

Số: /BC-STTTT-VP

Trà Vinh, ngày 04 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2020**

Thực hiện Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2020; Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2020 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRONG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**1. Triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản, điều hành và xây dựng chương trình, kế hoạch**

Tiếp tục triển khai, quán triệt thực hiện các quy định về cải cách hành chính của Đảng và Nhà nước, tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 16/7/2013 của UBND tỉnh về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị 12-CT/TU ngày 23/01/2017 của Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng thực thi công vụ gắn với công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 14/02/2019 của Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 07/4/2020 của Ban Chỉ đạo nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh về việc hoạt động của Ban Chỉ đạo nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh năm 2020.

2. Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền đẩy mạnh cải cách hành chính

Triển khai, tuyên truyền kịp thời về công tác cải cách hành chính của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử: 03 tin, bài và 07 văn bản tuyên truyền.

3. Thực hiện các quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 1281/KH-STTTT ngày 16/01/2016 về việc thực hiện chương trình hành động về tăng cường cải cách hành chính, gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ công vụ, công chức; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của Sở TT&TT giai đoạn 2016-2020; Qua đó, đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, như: đảm bảo tính công khai, minh bạch, kỷ cương hành chính, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo sự thuận lợi cho tổ chức, cá nhân

khi tiếp xúc với các cơ quan hành chính nhà nước; 100% thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố được giải quyết theo cơ chế một cửa; đảm bảo sự hài lòng của cá nhân, tổ chức khi đến giao dịch hành chính.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

Thường xuyên rà soát và tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ (hủy bỏ) hoặc thay thế văn bản QPPL cho phù hợp với tình hình thực tế của ngành và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, cơ chế, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý của ngành; thực hiện tốt Quy chế phối hợp hoạt động trên địa bàn tỉnh với các cơ quan chức năng liên quan.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Trên cơ sở Bộ thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, chỉ đạo các phòng chuyên môn có liên quan tiếp tục rà soát, đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành thông tin và Truyền thông; Triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020 và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; triển khai thực hiện dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định 45/2016/QĐ-TTg.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Trình Sở Nội vụ cho ý kiến nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 01 công chức và có văn bản thống nhất nâng lương cho 01 viên chức.

Thực hiện tốt Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc từng bước xây dựng cơ cấu công chức, viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm để đảm bảo đủ số lượng, trình độ và năng lực thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân trong thời kỳ mới; bố trí tiêu chuẩn chức danh, chức vụ theo chuyên môn nghiệp vụ, phù hợp ngạch, bậc, làm cơ sở xác định số lượng tuyển dụng và sử dụng biên chế hợp lý, tinh gọn.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm chế độ làm việc theo nội quy, quy chế của cơ quan gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của CBCC.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, về việc sửa đổi Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ

quan nhà nước; Trung tâm CNTT&TT trực thuộc Sở tiếp tục thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ ban hành Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Dựa trên các quy định về chế độ, định mức trong chi tiêu ngân sách của Nhà nước, Sở áp dụng đúng theo Quy chế chi tiêu nội bộ mà Sở đã ban hành về quản lý và sử dụng tài sản công nhằm thực hiện quản lý việc sử dụng kinh phí thường xuyên theo định mức sử dụng cho từng phòng đúng với nhu cầu công việc thực tế, từng thời điểm cụ thể với mục đích là tiết kiệm, tránh lãng phí, đồng thời với đảm bảo kinh phí không để ảnh hưởng đến hoạt động.

Triển khai, thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ, trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành, CCVC của Sở thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ về quản lý, sử dụng tài sản công của Sở, các quy định của cơ quan...; thường xuyên rà soát trong quá trình chi tiêu nội bộ nhằm sửa đổi, điều chỉnh các tiêu chuẩn, chế độ, định mức trong chi tiêu để phù hợp với tình hình thực tế, tiết kiệm.

6. Về hiện đại hóa nền hành chính (tình hình ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh)

a) Ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (iOffice): triển khai đến 510 cơ quan (cấp tỉnh: 96, cấp huyện: 308, cấp xã: 106) với 6.897 người dùng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Hệ thống đã tích hợp giải pháp ký số; tích hợp liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia. Tổng văn bản đi trong quý: 43.662, ký số 32.627 văn bản (tỷ lệ 74,73%).

Chứng thư số chuyên dùng: trong quý thu hồi 61 chứng thư số, cấp mới 492 chứng thư số, nâng tổng số 2.057 chứng thư số (474 chứng thư số tổ chức; 1.583 chứng thư số cá nhân (1.552 USB, 31 SIM PKI) phục vụ ký số văn bản điện tử, ký số hồ sơ giao dịch với các cơ quan như: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh và Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Hệ thống Thư điện tử công vụ: trong quý đã tạo 239 tài khoản cho người dùng nâng tổng số hộp thư điện tử công vụ (mail.travinh.gov.vn) cấp cho cán bộ công chức, viên chức là 7.314. Qua đó góp phần đẩy mạnh tăng cường trao đổi, sử dụng văn bản điện tử qua môi trường mạng.

Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến (VNPT- iGate) triển khai cho tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh (cấp tỉnh 18, huyện 9, xã 106). Tổng số thủ tục hành chính cập nhật trên hệ thống 1.960. Trong quý hệ thống đã tiếp nhận **40.801** hồ sơ (**37.887** trực tiếp, **2.914** trực tuyến, đã giải quyết **39.269** hồ sơ, các hồ sơ còn lại trong quá trình giải quyết).

Phần mềm ISO điện tử (<http://iso.travinh.gov.vn>) được kết nối liên thông với hệ thống một cửa điện tử, đã triển khai áp dụng đến 18 cơ quan cấp tỉnh, 09 UBND huyện, 106 xã, phường, thị trấn phục vụ công tác quản lý áp dụng TCVN ISO 9001:2015. Hệ thống kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh để đồng bộ trạng thái tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Hệ thống hội nghị truyền hình: năng lực đáp ứng 14 điểm cầu họp đồng thời gồm Trung tâm Hội nghị của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy và 09 Ủy ban nhân dân

huyện, thị xã, thành phố. Trong quý đã tổ chức 54 cuộc họp (phục vụ các cuộc họp định kỳ hàng tháng, đột xuất của địa phương, giữa địa phương và Trung ương). Hiện tại đang chỉ đạo triển khai đến cấp xã phục vụ các cuộc họp trực tuyến từ tỉnh đến cấp xã (dự kiến 106 UBND cấp xã).

Ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ: Đa số các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh sử dụng phần mềm quản lý kế toán, quản lý tài sản cố định... phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó các ngành còn quan tâm ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên ngành như y tế, tài nguyên môi trường, tài chính, thương mại, giáo dục, lao động, thuế, bảo hiểm...

b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp

Hệ thống Cổng thông tin điện tử có 01 cổng chính với 03 ngôn ngữ: Tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Khmer và 40 trang thông tin thành phần, cung cấp thông tin cơ bản theo quy định theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh cung cấp thông tin về thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tổng số dịch vụ trực tuyến cung cấp của tỉnh là **1.960** dịch vụ công trực tuyến (mức 3: 775, tỷ lệ 39,54%; mức 4: 681, tỷ lệ 34,74%). Trong quý hệ thống đã tiếp nhận **40.801** hồ sơ (**37.887** trực tiếp, **2.914** trực tuyến, đã giải quyết **39.269** hồ sơ, các hồ sơ còn lại trong quá trình giải quyết. Trong đó tiếp nhận **20.847** hồ sơ mức 3 (**20.175** trực tiếp, 672 trực tuyến (tỷ lệ **3,22%**)); **9.754** hồ sơ mức 4 (**7.512** trực tiếp, **2.242** trực tuyến (tỷ lệ **22,99%**)). Rà soát, công khai **1.298** thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Đang vận hành Zalo Cổng thông tin điện tử tỉnh cung cấp thông tin về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các sự kiện, thông tin cần thiết đến người dân và doanh nghiệp (thủ tục hành chính, dịch vụ công, an sinh xã hội; các văn bản quy định, chính sách mới, tra cứu hồ sơ và các thông tin cần thiết khác),...

7. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu quả trong thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính:

- Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC quý III năm 2020: 68
- + Số kỳ trước chuyển qua: 0
- + Số mới tiếp nhận: 68
- Kết quả giải quyết TTHC: 67
 - + Trả đúng thời hạn: 67
 - + Trả quá hạn: 0

- Số hồ sơ đang giải quyết: 01

+ Chưa đến hạn: 01

+ Quá hạn: 0

* Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối đảm bảo yêu cầu trong việc giải quyết các thủ tục hành chính tại đơn vị.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

*** Thuận lợi:**

Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành, sự phối hợp của các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong công tác cải cách hành chính.

Có sự quan tâm chỉ đạo trong công tác đào tạo đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tham mưu triển khai ứng dụng CNTT tại các cơ quan, địa phương của tỉnh.

*** Khó khăn:**

Tỉnh Trà Vinh đã thực hiện chủ trương đẩy mạnh tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tuy nhiên theo quy định của Luật lưu trữ, pháp luật chuyên ngành, hồ sơ thủ tục vẫn thực hiện lưu trữ đầy đủ bản giấy, do đó chưa thật sự tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, cán bộ công chức, viên chức khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

Hiện nay, do có nhiều phương thức để lựa chọn trong giải quyết thủ tục hành chính (trực tuyến, trực tiếp, dịch vụ Bru chính công ích), người dân chưa đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện các giao dịch trên mạng, chủ yếu nộp trực tiếp hồ sơ thủ tục tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận một cửa nên tỉ lệ nộp hồ sơ trực tuyến chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

Để thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trong thời gian tới, Sở Thông tin và Truyền thông tập trung thực hiện một số công tác trọng tâm như sau:

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định về quản lý, vận hành, sử dụng các hệ thống thông tin: Quản lý văn bản và điều hành, Cổng dịch vụ công, Phần mềm ISO..., hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của Cổng Dịch vụ Công trực tuyến tỉnh nhằm cung cấp đầy đủ các tiện ích và dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và 4 phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) và tổ chức triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

Đề xuất giải pháp, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số gắn với triển khai dịch vụ đô thị thông minh, thí điểm triển khai Trung tâm Giám

sát điều hành an toàn thông tin (SOC), Trung tâm Điều hành thông tin (IOC).

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: *không có*

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian tới, Sở Thông tin và Truyền thông gửi Sở Nội vụ tổng hợp (đính kèm phụ lục 3)/.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- LĐ các phòng, TT trực thuộc Sở;
- Trang TTĐT STTTT;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Này

Phụ lục 3

Các hoạt động cải cách hành chính thuộc lĩnh vực của Sở Thông tin và Truyền thông quý III năm 2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

STT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/số đơn vị hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại tỉnh Trà Vinh năm 2020	Số 2063/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	32/các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã thành phố; các cơ quan Đảng đoàn thể các cấp	20/các sở, ban ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan Đảng đoàn thể các cấp	Các nhiệm vụ thực hiện thường xuyên và hoàn thành: <ul style="list-style-type: none">- Tại mục II: 1a, 1b, 2a, 2b, 2d, 4a, 4b, 5a, 5b, 5c, 5d- Tại mục III: 1a, 2a, 2b, 2d, 2e.- Tại mục V: 3.- Tại mục VI: 1, 2, 3, 4- Tại mục VII: 1 Các nhiệm vụ đang thực hiện: <ul style="list-style-type: none">- Tại mục I: 1, 2- Tại mục III: 1c, 2f- Tại mục V: 1 Các nhiệm vụ chưa thực hiện: <ul style="list-style-type: none">- Tại mục II: 4c

					- Tại mục III: 1b, 1c,2c - Tại mục V: 2 - Tại mục VI: 5,6
--	--	--	--	--	---

II. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	241	19	116	106	
2	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	241	19	116	106	
3	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trang thông tin điện tử	28	19	9		
4	Số huyện thực hiện mô hình một cửa hiện đại			9		
5	Tổng số thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 1,2,3,4/tổng số cơ quan đơn vị	1.960	1.469	332	159	
	5.1 Mức độ 1	0	0	0	0	
	5.2 Mức độ 2	572	357	56	159	
	5.3 Mức độ 3	720	625	95	0	
	5.4 Mức độ 4	668	487	181	0	